

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD
TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN NỀN & MÓNG
M? HỌC PHẦN : CIE - 324

HỌC KỲ 7
TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 06/12/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
1	132214419	MAI DUY VIỆT	CƯỜNG	K14XDD1	1		1						V	0.0	Khăng		
2	132214441	HOÀNG ĐỨC	GIỚI	K14XDD1	1		5.5						3.5	0.0	Khăng		
3	132214522	PHẠM DUY	PHƯỚC	K14XDD1	5		1.5						V	0.0	Khăng		
4	132214617	ĐỖ MAI HOÀNG	VIN	K14XDD1	10		4						4.5	5.2	Nằm pháy Hai		
5	142131159	HỒ CÔNG TUẤN	VŨ	K14XDD1	10		5.5						6	6.5	Sầu pháy Nằm		
6	142211174	NGUYỄN TUẤN	ANH	K14XDD1	1		1						V	0.0	Khăng		
7	142211178	TRƯƠNG VĂN	BÁCH	K14XDD1	10		4.5						6.5	6.4	Sầu pháy Bấu		
8	142211184	TỔNG VĂN	B?NH	K14XDD1	10		6.5						6.5	7.0	Báy		
9	142211190	NGÔ NGỌC	CHÍNH	K14XDD1	10		4						4.5	5.2	Nằm pháy Hai		
10	142211196	MAI XUÂN	DANH	K14XDD1	10		4.5						4	5.1	Nằm pháy Mấu		
11	142211209	TRẦN NGỌC	DUY	K14XDD1	10		4.5						5.5	5.9	Nằm pháy Chên		
12	142211212	LÊ TRUNG	HIẾU	K14XDD1	1		1						V	0.0	Khăng		
13	142211215	NGUYỄN QUANG	H?A	K14XDD1	5		1						V	0.0	Khăng		
14	142211218	NGUYỄN TRƯỜNG	HỘI	K14XDD1	10		4						6.5	6.3	Sầu pháy Ba		
15	142211221	PHẠM TẤN	HỮU	K14XDD1	10		5						5	5.8	Nằm pháy Tầm		
16	142211226	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K14XDD1	10		5.5						5	5.9	Nằm pháy Chên		
17	142211230	VŨ NGỌC	KHƯƠNG	K14XDD1	10		7						5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
18	142211233	ĐINH HỮU	LINH	K14XDD1	10		3						6	5.7	Nằm pháy Báy		
19	142211250	TRẦN NGỌC	PHÚ	K14XDD1	10		5.5						5	5.9	Nằm pháy Chên		
20	142211254	TRẦN HUỖNH	PHƯƠNG	K14XDD1	10		6.5						6.5	7.0	Báy		
21	142211259	V? V ẮN	QUỐC	K14XDD1	10		6.5						6.5	7.0	Báy		
22	142211267	CHUNG QUÍ	TÂN	K14XDD1	1		1						V	0.0	Khăng		
23	142211270	HỒ MINH	THẮNG	K14XDD1	10		7						7	7.5	Báy pháy Nằm		
24	142211280	HUỖNH	THIỆN	K14XDD1	10		6.5						6.5	7.0	Báy		
25	142211283	NGUYỄN MẬU	THÔNG	K14XDD1	10		7						7.5	7.7	Báy pháy Báy		
26	142211292	NGUYỄN VĂN	TOÀN	K14XDD1	5		2.5						3	0.0	Khăng		
27	142211295	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	K14XDD1	10		4						4	4.9	Bấu pháy Chên		
28	142211298	BÙI TRỌNG	TUẤN	K14XDD1	5		3						5.5	4.7	Bấu pháy Báy		
29	142211305	VĂN Đ?NH	TƯƠNG	K14XDD1	10		4.5						3.5	0.0	Khăng		
30	142211308	LÊ QUỐC	VIỆT	K14XDD1	10		7						5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
31	142211311	TRẦN TẤN	VIỆT	K14XDD1	10		7						6.5	7.2	Báy pháy Hai		
32	142211320	HỒ MINH	VƯƠNG	K14XDD1	10		6.5						7	7.3	Báy pháy Ba		
33	142251577	TRƯƠNG BẢO	TRUNG	K14XDD1	1		1						V	0.0	Khăng		
34	142332143	NGUYỄN THÁI	DŨNG	K14XDD1	5		1						V	0.0	Khăng		
35	132214463	HÀ XUÂN	HÙNG	K14XDD1	1		1						V	0.0	Khăng		
36	101140099	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	K14XDD2	1		1						V	0.0	Khăng		
37	111140262	NGUYỄN PHONG	LƯU	K14XDD2	5		1.5						V	0.0	Khăng		
38	111140293	LÊ BẢO	QUỐC	K14XDD2	5		2.5						3.5	0.0	Khăng		
39	132214408	NGUYỄN Đ?NH	BẢO	K14XDD2	10		3.5						V	0.0	Khăng		
40	132214470	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	K14XDD2	5		2						V	0.0	Khăng		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K14XDD										HỌC KỲ		7	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN NỀN & MÓNG										TÍNH CHỈ		1	
Ngày thi: 06/12/2011				M? H Ọ C P H Ầ N : CIE - 324										LẦN THI		1	
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
41	132214526	NGUYỄN ĐOÀN	PHUÔNG	K14XDD2	10		3						4.5	4.9	Bấu phấph	Chên	
42	142211172	BÙI TRƯỜNG	AN	K14XDD2	10		4						4.5	5.2	Nằmm phấph	Hai	
43	142211175	TRẦN TUẤN	ANH	K14XDD2	10		4.5						3.5	0.0	Khắhng		
44	142211181	NGUYỄN PHẠM QUỐC	BẢO	K14XDD2	10		3						3	0.0	Khắhng		
45	142211187	LÊ VIỆT	CẢNH	K14XDD2	10		5						5	5.8	Nằmm phấph	Tằmm	
46	142211191	NGUYỄN TẤN	CHUẨN	K14XDD2	10		3.5						3.5	0.0	Khắhng		
47	142211194	PHẠM ANH	CUỜNG	K14XDD2	10		2.5						2	0.0	Khắhng		
48	142211197	BÙI QUỐC	ĐẠT	K14XDD2	5		1						V	0.0	Khắhng		
49	142211203	TRẦN Đ?NH	ĐỨC	K14XDD2	10		3.5						4.5	5.0	Nằmm		
50	142211213	TRƯƠNG QUANG	HIỂU	K14XDD2	10		6.5						7	7.3	Bấy phấph	Ba	
51	142211216	LÊ NGỌC ANH	HOÀI	K14XDD2	10		8						7.5	8.0	Tằmm		
52	142211219	NGUYỄN VĂN	HÙNG	K14XDD2	5		2						V	0.0	Khắhng		
53	142211222	TRẦN Đ?NH	HUY	K14XDD2	10		2						3.5	0.0	Khắhng		
54	142211228	LÊ	KHOA	K14XDD2	10		4.5						3.5	0.0	Khắhng		
55	142211231	VĂN NGỌC	LAI	K14XDD2	10		4.5						3.5	0.0	Khắhng		
56	142211242	NGUYỄN VĂN	NAM	K14XDD2	10		5						6	6.3	Sầũ phấph	Ba	
57	142211247	BÙI HỒNG	NHẬT	K14XDD2	10		7						6.5	7.2	Bấy phấph	Hai	
58	142211252	PHAN TẤN UYÊN	PHƯỚC	K14XDD2	10		5						5	5.8	Nằmm phấph	Tằmm	
59	142211256	PHẠM VĂN	QUỐC	K14XDD2	10		5.5						5.5	6.2	Sầũ phấph	Hai	
60	142211260	ĐOÀN THỊ NGỌC	QU?	K14XDD2	10		5.5						6	6.5	Sầũ phấph	Nằmm	
61	142211264	NGUYỄN HỮU HOÀI	SƠN	K14XDD2	10		5.5						5.5	6.2	Sầũ phấph	Hai	
62	142211268	LÊ HỮU	TẤN	K14XDD2	10		5.5						5.5	6.2	Sầũ phấph	Hai	
63	142211278	NGUYỄN Đ?NH	THẢO	K14XDD2	10		7						5.5	6.6	Sầũ phấph	Sầũ	
64	142211281	LƯU ĐỨC	THIỆN	K14XDD2	10		6						5	6.1	Sầũ phấph	Mắtti	
65	142211290	LÊ BÁ	TÍN	K14XDD2	10		4						3.5	0.0	Khắhng		
66	142211293	PHẠM MINH	TOÀN	K14XDD2	10		4.5						5.5	5.9	Nằmm phấph	Chên	
67	142211296	TÔNG THÀNH	TRUNG	K14XDD2	10		7.5						6	7.1	Bấy phấph	Mắtti	
68	142211299	HÀ ANH	TUẤN	K14XDD2	10		6						5	6.1	Sầũ phấph	Mắtti	
69	142211303	NGUYỄN THANH	TUẤN	K14XDD2	10		5						4	5.2	Nằmm phấph	Hai	
70	142211309	NGÔ QUỐC	VIỆT	K14XDD2	10		5						5.5	6.0	Sầũ		
71	142211312	TRƯƠNG VĂN	VIỆT	K14XDD2	10		5						4.5	5.5	Nằmm phấph	Nằmm	
72	142211317	NGUYỄN BÁ TUẤN	VŨ	K14XDD2	10		5						5	5.8	Nằmm phấph	Tằmm	
73	142211321	LÊ CÔNG TRƯỜNG	XUÂN	K14XDD2	10		5.5						4.5	5.6	Nằmm phấph	Sầũ	
74	142221365	ĐỖ NGỌC	T?NH	K14XDD2	10		5.5						6.5	6.7	Sầũ phấph	Bấy	
75	142332177	TRƯƠNG QUANG	KỶ	K14XDD2	10		7.5						7.5	7.9	Bấy phấph	Chên	
76	132214556	NGUYỄN THỌ	THẮNG	K14XDD2	1		1						V	0.0	Khắhng		
77	132214530	NGUYỄN VĂN	QUÂN	K14XDD2	1		1						V	0.0	Khắhng		
78	132214535	NGUYỄN CÔNG	QUANG	K14XDD2	1		1						V	0.0	Khắhng		
79	122210235	NGUYỄN HỒNG	ANH	K14XDD3	0		0						HP	0.0	Khắhng		
80	132214600	NGUYỄN ĐĂNG	TUẤN	K14XDD3	0		0						V	0.0	Khắhng		
81	142211173	NGUYỄN NHƯ	AN	K14XDD3	10		7						5	6.4	Sầũ phấph	Bầũ	
82	142211177	NGUYỄN VĂN HOÀNG	BÁCH	K14XDD3	10		7						4	5.8	Nằmm phấph	Tằmm	
83	142211183	PHẠM THANH	B?NH	K14XDD3	10		9						8	8.6	Tằmm phấph	Sầũ	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K14XDD										HỌC KỲ		7	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN NỀN & MÓNG										TÍN CHỈ		1	
Ngày thi: 06/12/2011				M? H Ọ C P H Ầ N : CIE - 324										LẦN THI		1	
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
84	142211189	LÊ QUỐC	CHÍNH	K14XDD3	10		8						5.5	6.9	Sầu pháy Chên		
85	142211192	NGUYỄN NHƯ	CƯỜNG	K14XDD3	7		6						5	5.6	Nằm pháy Sầu		
86	142211199	ĐẶNG NGỌC	ĐỨC	K14XDD3	10		6.5						4.5	5.9	Nằm pháy Chên		
87	142211204	LÊ QUANG	DŨNG	K14XDD3	10		7						5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
88	142211207	PHAN HOÀNG	DŨNG	K14XDD3	10		7						5	6.4	Sầu pháy Bấu		
89	142211211	HOÀNG QUANG	HÀO	K14XDD3	7		6.5						4	5.2	Nằm pháy Hai		
90	142211214	NGUYỄN KHÁNH	H?A	K14XDD3	10		6.5						6	6.8	Sầu pháy Tầm		
91	142211217	TRẦN THẾ	HOÀNG	K14XDD3	10		7						5	6.4	Sầu pháy Bấu		
92	142211220	NGUYỄN NGUYỄN	HUNG	K14XDD3	10		7.5						6	7.1	Báy pháy Mất		
93	142211224	NGUYỄN NGỌC	HUỲNH	K14XDD3	10		7.5						7	7.6	Báy pháy Sầu		
94	142211232	ĐOÀN TÂN	LẬP	K14XDD3	10		6.5						4	5.7	Nằm pháy Báy		
95	142211239	NGUYỄN PHI	MINH	K14XDD3	10		6.5						5.5	6.5	Sầu pháy Nằm		
96	142211244	LÊ QUỐC	NGHĨA	K14XDD3	6		5						2	0.0	Khăng		
97	142211248	NGUYỄN THANH	NHÚT	K14XDD3	10		6.5						5	6.2	Sầu pháy Hai		
98	142211253	ĐỖ TRUNG	PHƯƠNG	K14XDD3	10		8.5						6	7.4	Báy pháy Bấu		
99	142211257	TRẦN VĂN	QUỐC	K14XDD3	7		6.5						5	5.8	Nằm pháy Tầm		
100	142211265	NGUYỄN KHÁNH	SƠN	K14XDD3	10		7						5	6.4	Sầu pháy Bấu		
101	142211269	NGUYỄN QUANG	THÁI	K14XDD3	7		6						4	5.1	Nằm pháy Mất		
102	142211274	ĐINH CÔNG	THÀNH	K14XDD3	10		7						5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
103	142211279	NGUYỄN HỒNG	THI	K14XDD3	10		7						5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
104	142211282	VY VĂN	THỜI	K14XDD3	10		7.5						6	7.1	Báy pháy Mất		
105	142211286	NGUYỄN QUANG	THUẬN	K14XDD3	10		7						5	6.4	Sầu pháy Bấu		
106	142211291	LÊ VĂN	TOÀN	K14XDD3	10		7						4	5.8	Nằm pháy Tầm		
107	142211297	V? V ẮN	TUÂN	K14XDD3	10		8						7	7.8	Báy pháy Tầm		
108	142211300	NGUYỄN ANH	TUẤN	K14XDD3	10		7						6.5	7.2	Báy pháy Hai		
109	142211304	NGUYỄN SƠN	TÙNG	K14XDD3	10		8.5						8	8.5	Tầm pháy Nằm		
110	142211307	NGUYỄN THÀNH	VĂN	K14XDD3	10		7						4	5.8	Nằm pháy Tầm		
111	142211310	NGUYỄN DUY	VIỆT	K14XDD3	10		7.5						8	8.2	Tầm pháy Hai		
112	142211315	LƯU VĂN	VŨ	K14XDD3	10		7						4	5.8	Nằm pháy Tầm		
113	142211319	ĐOÀN NGỌC VIỆT	VƯƠNG	K14XDD3	10		7						4	5.8	Nằm pháy Tầm		
114	142214458	HUỲNH NGUYỄN	KHOA	K14XDD3	10		6.5						4	5.7	Nằm pháy Báy		
115	142214795	NGUYỄN VƯƠNG	THẠCH	K14XDD3	10		7						4	5.8	Nằm pháy Tầm		
116	142221370	PHẠM SƠN	TÙNG	K14XDD3	3		3						V	0.0	Khăng		
117	132214560	PHAN Đ?NH	THÀNH	K14XDD3	10		7						4	5.8	Nằm pháy Tầm		
1	0305	ĐẶNG XUÂN	THÁI	K11XD	3		3						V	0.0	Khăng		
2	7961	CHÂU QUỐC	BẢO	K13XCD	6		6						4	4.9	Bấu pháy Chên		
3	7996	NGUYỄN VĂN	GIANG	K13XCD	8		7						4	5.5	Nằm pháy Nằm		
4	4417	PHAN XUÂN	CHIẾN	K13XDD	3		3						V	0.0	Khăng		
5	4433	LÊ DUY	DŨNG	K13XDD	5		5						5.5	5.3	Nằm pháy Ba		
6	4527	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	K13XDD	3		3						V	0.0	Khăng		
7	4621	ĐỖ ANH	VŨ	K13XDD	3		3						V	0.0	Khăng		
8	4636	NGUYỄN Đ?NH	LONG	K13XDD	7		6						5.5	5.9	Nằm pháy Chên		
9	2399	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	K14XCD	3		3						V	0.0	Khăng		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15		30						55	100		
10	0333	NGUYỄN MINH	QUYỀN	T14XDC	6		5.5						4	4.8	Bấu phấo Tảĩm	
11	0334	TRẦN NGỌC	SÂM	T14XDC	6		5.5						4	4.8	Bấu phấo Tảĩm	
12	0346	HOÀNG CHÍ	TIỀN	T14XDC	6		5.5						4	4.8	Bấu phấo Tảĩm	
13	0356	NGUYỄN TRUNG	VUÔNG	T14XDC	6		5.5						4	4.8	Bấu phấo Tảĩm	
14	0890	ĐOÀN CÔNG	THÀNH	T14XDC	6		5						4	4.6	Bấu phấo Sầu	
15	0335	PHAM TUẤN	NGỌC	T15XDC	8		6						4	5.2	Nằm phấo Hai	
16	0337	LƯƠNG CÔNG	HOÀNG	T15XDC	8		6						4	5.2	Nằm phấo Hai	
17	0338	HÀ QUANG	HẢI	T15XDC	8		6.5						5.5	6.2	Sầu phấo Hai	
18	0341	NGUYỄN VĂN	THẮNG	T15XDC	8		6.5						6	6.5	Sầu phấo Nằm	
19	0344	NGUYỄN MẬU	THIÊN	T15XDC	5		5						V	0.0	Khăng	
20	0350	TRẦN	VÂN	T15XDC	8		6.5						5	5.9	Nằm phấo Chên	
21	0351	NGUYỄN XUÂN	YÊN	T15XDC	8		6.5						7	7.0	Bấo	
22	0352	LÊ HỒNG	PHONG	T15XDC	8		6.5						4	5.4	Nằm phấo Bấu	
23	0361	CHÂU MINH	HÓA	T15XDC	7		6						4	5.1	Nằm phấo Mấu	
24	0369	TRẦN TRỌNG	HỮU	T15XDC	8		6						4.5	5.5	Nằm phấo Nằm	
25	0376	ĐỖ VĂN	LẮM	T15XDC	8		6.5						5.5	6.2	Sầu phấo Hai	
26	0381	TRẦN QUANG	NAM	T15XDC	8		6						5	5.8	Nằm phấo Tảĩm	
27	0384	LÊ QUANG	TÀI	T15XDC	8		6						4.5	5.5	Nằm phấo Nằm	
28	0392	NGUYỄN TRUNG	HIỂU	T15XDC	8		6						5	5.8	Nằm phấo Tảĩm	
29	0394	ĐẶNG NGỌC	M?NG	T15XDC	8		6						5	5.8	Nằm phấo Tảĩm	
30	0397	HÀ PHƯỚC	THANH	T15XDC	8		6						V	0.0	Khăng	
31	0212	NGUYỄN KIM	LONG	T15XDD	5		5						5	5.0	Nằm	